

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HIỆP PHÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HIỆP PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIEP PHU AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY CP NÔNG NGHIỆP HIỆP PHÚ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301036379

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 18, ấp 2, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0974937788

Fax:

Email: huuduc1701@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                               | 4649                                                         |
| 2.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                    | 1062                                                         |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                              | 7110                                                         |
| 4.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                           | 0130                                                         |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                | 4669                                                         |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)                                                        | 4620                                                         |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                  | 1010                                                         |
| 8.  | Hoạt động thú y                                                                                                                                                                  | 7500                                                         |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                               | 4632                                                         |
| 10. | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                                                    | 0145(Chính)                                                  |
| 11. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                              | 2012                                                         |
| 12. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THIÊN AN      | Áp 1, Xã Lương Phú, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     | 321417787                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ HUY TRẺ           | Áp 2, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                        | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     | 321461065                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN LÊ QUỐC KHÁNH | Áp 1, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 5.000      | 50.000.000            | 3,130     | 321450658                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 5.000      | 50.000                | 3,130     |                                                                                             |         |
| 4   | TRƯƠNG QUỐC BẢO      | 69/28, Hồ Thị Kỳ, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 1,250     | 321534602                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 1,250     |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN VĂN THÀNH     | Áp 7, Xã Sơn Phú, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     | 321532905                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 0,630     |                                                                                             |         |
| 6   | ĐỖ HUY TÍNH          | Áp 2, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 120.000    | 1.200.000.000         | 75,000    | 321073809                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 120.000    | 1.200.000.000         | 75,000    |                                                                                             |         |
| 7   | PHẠM DƯƠNG CẢNH      | Áp 3, Xã Phước Long, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 1.500      | 150.000.000           | 9,380     | 321414234                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 1.500      | 150.000.000           | 9,380     |                                                                                             |         |
| 8   | LÊ HỮU ĐỨC           | 31C, khu phố 6, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 5.000      | 50.000.000            | 3,130     | 321066963                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
| 9   | DƯƠNG VĂN TRIỂN      | Áp 8, Xã Phước Long, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 6,250     | 321341086                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 6,250     |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ HUY TÍNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *15/10/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *321073809*

Ngày cấp: *22/12/2014*

Nơi cấp: *Công an Bến Tre*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 2, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp 2, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre*